

*Th i gian : 15/05/2015*

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	GI NG VIÊN H NG D N	I M GVHD			I M GVPB	I M T NG K T		GHI CHÚ
							Thái	N i dung	T ng i m		I M S	I M CH	
1	172316794	Hoàng Lê Minh	Châu	12/07/1993	K17PSUKKT1	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	8.0	8.4	8.4	8.4	Tám Ph y B n	
2	172316834	Nguy n Th Th ch	Th o	01/11/1993	K17PSUKKT2	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	8.2	8.6	8.4	8.5	Tám Ph y N m	
3	172316837	Lê c	Ti n	04/12/1993	K17PSUKKT2	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	8.0	8.4	8.3	8.4	Tám Ph y B n	
4	172316793	Lê Thanh	Bình	11/03/1993	K17PSUKKT1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.4	7.5	7.0	7.3	B y Ph y Ba	
5	172316796	Lê Mai Th M	Di u	22/03/1993	K17PSUKKT1	ThS. Lê Th Bích Ng c	9.0	7.0	7.4	6.5	7.0	B y	
6	172316803	Nguy n Th	H i	14/01/1993	K17PSUKKT1	ThS. Lê Th Bích Ng c	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	Sáu Ph y Tám	
7	172316808	Tr ng Th M	Hu	04/08/1993	K17PSUKKT1	ThS. Lê Th Bích Ng c	9.0	6.5	7.0	6.0	6.5	Sáu Ph y N m	
8	172316806	Nguy n Th Thu	Hi n	30/05/1992	K17PSUKKT1	ThS. Lê Th Bích Ng c	7.0	7.5	7.4	6.5	7.0	B y	
9	172316822	Tr n V n	Ngh a	21/11/1993	K17PSUKKT2	ThS. Lê Th Bích Ng c	9.0	8.3	8.4	8.0	8.2	Tám Ph y Hai	
10	172316821	Nguy n Th Y	Na	27/09/1993	K17PSUKKT2	ThS. Lê Th Bích Ng c	9.0	8.2	8.4	7.5	8.0	Tám	
11	172316800	Nguy n Th Thu	Hà	12/02/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.5	7.5	7.5	7.2	7.4	B y Ph y B n	
12	172316810	Hàn Th	H ng	16/12/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	B y	
13	172316813	Nguy n Mai Th o	Lam	04/11/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	6.0	6.0	6.0	6.5	6.3	Sáu Ph y Ba	
14	172316817	ng Tr n Nh t	Linh	08/10/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	Sáu Ph y N m	
15	172316807	D ng Th	Hi u	20/04/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.0	7.0	7.0	7.2	7.1	B y Ph y M t	
16	172316792	Nguy n Duy	Anh	19/08/1993	K17PSUKKT1	ThS. Nguy n Th Kim H ng	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
17	172317814	Lê Th H ng	Lan	14/08/1992	K17PSUKKT2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.5	7.5	7.5	7.2	7.4	B y Ph y B n	
18	172316825	ng Thái	Nhân	19/10/1993	K17PSUKKT2	ThS. Võ Th Thùy Linh	9.0	7.3	7.6	7.5	7.6	B y Ph y Sáu	
19	172316826	V n	Nh t	19/04/1993	K17PSUKKT2	ThS. Võ Th Thùy Linh	9.0	7.5	7.8	7.0	7.4	B y Ph y B n	
20	172316827	V Th Tô	Ni	01/12/1992	K17PSUKKT2	ThS. Võ Th Thùy Linh	9.0	7.5	7.8	7.0	7.4	B y Ph y B n	
21	172316833	Nguy n V n	Thành	02/03/1993	K17PSUKKT2	ThS. Võ Th Thùy Linh	9.0	7.3	7.6	7.5	7.6	B y Ph y Sáu	
22	172316809	Nguy n Ng c B o	H ng	16/12/1993	K17PSUKKT1	ThS. Võ Th Th y Tiên	8.0	7.0	7.2	8.2	7.7	B y Ph y B y	
23	172316818	Hoàng Thành	Luân	12/09/1993	K17PSUKKT1	ThS. Võ Th Th y Tiên	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
24	172316812	L ng Quang Tùng	Khánh	15/08/1991	K17PSUKKT1	ThS. Võ Th Th y Tiên	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
25	172316814	Bùi Th Ng c	Lan	09/11/1993	K17PSUKKT2	ThS. Võ Th Th y Tiên	8.0	7.5	7.6	8.0	7.8	B y Ph y Tám	

*à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015*
**NG I L P**
**KI M TRA**
**LÃNH O KHOA**
**PP. ÀO T O IH C & SAU IH C**
**Nguy n H ng Giang**
**ThS. Nguy n Ân**



Th i gian : 15/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	GI NG VIÊN H NG D N	I M GVHD			I M GVPB	I MT NG K T		GHI CHÚ
							Thái	N i dung	T ng i m		I M S	I M CH	
							20%	80%					
1	1810213738	NGUY N TH PH NG	NHI	09/10/1994	K18PSUKCD1	ThS. Hoàng Anh Th	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
2	1811214497	OÀN TH H I	TÀN	03/06/1994	K18PSUKCD2	ThS. Hoàng Anh Th	8.0	7.0	7.2	6.5	6.9	Sáu Ph y Chín	
3	1810213735	LÊ TH PH NG	TH O	19/12/1994	K18PSUKCD1	ThS. Hoàng Anh Th	9.0	7.0	7.4	6.5	7.0	B y	
4	1810216133	TR N TH TUY T	PH NG	15/10/1993	K18PSUKCD2	ThS. Hoàng Anh Th	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
5	1810215926	LÊ TH NH	QU NH	10/09/1994	K18PSUKCD2	ThS. Hoàng Anh Th	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
6	161326976	TR N NH	QU NH	20/01/1992	K16PSUKCD	ThS. Hoàng Anh Th	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	83902
7	1810214492	D NG NGUY N THU	GIANG	30/05/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.3	7.4	7.5	7.5	B y Ph y N m	
8	1810214491	L U TH LÝ	DUYÊN	26/01/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	6.8	7.0	6.0	6.5	Sáu Ph y N m	
9	1810213930	HOÀNG TH THU	HÀ	17/09/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
10	1810214490	LÊ HOÀNG KIM	KHÁNH	06/07/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.4	7.5	7.0	7.3	B y Ph y Ba	
11	1810213928	NGUY N PH C	H NG	10/07/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.3	7.4	6.5	7.0	B y	
12	1810215022	LÊ TH	HI N	10/11/1993	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	6.8	7.0	6.0	6.5	Sáu Ph y N m	
13	1811215480	PH M DUY HOÀNG	KHOA	20/02/1994	K18PSUKCD1	ThS. Lê Th Bích Ng c	8.0	7.4	7.5	7.0	7.3	B y Ph y Ba	
14	1810215774	NGUY N C U THIÊN	AN	13/02/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.0	7.0	7.0	6.6	6.8	Sáu Ph y Tám	
15	1810215483	LÊ TH M	DUYÊN	05/03/1993	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.5	7.5	7.5	6.8	7.2	B y Ph y Hai	
16	1811215469	PHAN VI T	H NG	31/03/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.5	7.5	7.5	7.0	7.3	B y Ph y Ba	
17	1810215478	NGUY N TH NH T	L	16/10/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	8.0	8.0	8.0	7.2	7.6	B y Ph y Sáu	
18	1811214500	HOÀNG	SA	24/02/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	7.0	7.0	7.0	6.3	6.7	Sáu Ph y B y	
19	1810215484	TR N NGUY N B NG	TÂM	22/10/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	6.5	6.5	6.5	6.7	6.6	Sáu Ph y Sáu	
20	1810215773	NGUY N PH NG	UYÊN	06/02/1994	K18PSUKCD2	ThS. Nguy n Th Kim H ng	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
21	1810215767	NGUY N TH TH O	H NG	22/09/1994	K18PSUKCD2	ThS. Vô Th Thùy Linh	10.0	8.0	8.4	8.2	8.3	Tám Ph y Ba	
22	1810215029	NGUY N HÀN TH O	MI	27/10/1994	K18PSUKCD2	ThS. Vô Th Thùy Linh	8.0	6.0	6.4	7.0	6.7	Sáu Ph y B y	
23	1810214496	TR N TH MINH	NGUY T	24/01/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Thùy Linh	10.0	8.0	8.4	8.2	8.3	Tám Ph y Ba	
24	1810215025	V NG TH NG C	LINH	21/09/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Thùy Linh	9.0	7.0	7.4	7.0	7.2	B y Ph y Hai	
25	1810213931	NGUY N HOÀNG THÚY	LAM	20/12/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Thùy Linh	8.0	6.0	6.4	6.5	6.5	Sáu Ph y N m	
26	1810214499	TH PH NG	LINH	28/05/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Thùy Linh	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
27	1810215476	THÁI M	NG C	30/11/1994	K18PSUKCD2	ThS. Vô Th Thùy Linh	8.0	6.0	6.4	7.0	6.7	Sáu Ph y B y	
28	1810223787	NGUY N TH PH NG	TH O	14/08/1994	K18PSUKCD2	ThS. Vô Th Thùy Linh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
29	1810214452	NGUY N TH HUY N	TRANG	10/09/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Th y Tiên	8.0	7.0	7.2	7.5	7.4	B y Ph y B n	
30	1810213736	H NG CÁNH	TH O	02/08/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Th y Tiên	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
31	1810214489	NGUY N NG C THANH	TH O	04/12/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Th y Tiên	8.0	7.0	7.2	7.0	7.1	B y Ph y M t	
32	1810214494	LÊ TH THANH	TH O	23/06/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Th y Tiên	8.0	6.5	6.8	6.5	6.7	Sáu Ph y B y	
33	1810213929	NGUY N TH THÚY	VY	23/02/1994	K18PSUKCD1	ThS. Vô Th Th y Tiên	7.0	6.0	6.2	6.0	6.1	Sáu Ph y M t	
34	171326126	TR N TH	THU N	18/09/1993	K17PSUKCD	ThS. Vô Th Th y Tiên	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PP. ÀO T O IH C & SAU IH C

Thời gian: 14/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	GI NG VIÊN H NG D N	I M GVHD			I M GVPB	I M T NG K T		GHI CHÚ
							Thái	N i dung	T ng i m		I M S	I M CH	
1	172526998	Lê Doãn	Vi t	08/01/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
2	172526973	Tr n Nh t	Tân	02/03/1992	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.1	8.5	7.5	8.0	Tám	
3	172526942	Đ ng Bá Di u	H ng	18/12/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	7.4	7.9	B y Ph y Chín	
4	172526949	Võ Thu Hoài	Linh	30/09/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
5	172526966	Nguy n Th	Phú	17/10/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.1	8.5	7.5	8.0	Tám	
6	172526969	Nguy n Th H ng	Qu nh	07/02/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	8.5	8.4	8.0	8.2	Tám Ph y Hai	
7	172526944	Phan Phú	Kho	24/01/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.7	7.8	7.7	7.8	B y Ph y Tám	
8	172526994	Phan Th T	Trình	01/01/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	8.0	8.0	7.7	7.9	B y Ph y Chín	
9	172526996	Nguy n Thanh	Tuy n	02/03/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.7	7.8	7.8	7.8	B y Ph y Tám	
10	162524422	Phan Minh	Trung	26/07/1992	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	6.0	7.7	7.4	8.2	7.8	B y Ph y Tám	
11	172526925	Mai Th Thùy	Đ ng	21/04/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.5	7.6	7.0	7.3	B y Ph y Ba	
12	172526975	Lê Xuân	Thái	24/01/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	7.4	7.9	B y Ph y Chín	
13	172526974	H Ng c	Th ch	07/02/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
14	172526989	Hoàng Th	Th y	24/04/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
15	172526918	oàn V n	B n	12/12/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	7.5	8.0	7.0	7.5	B y Ph y N m	
16	172348452	Nguy n V Qu nh	Trang	24/11/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.1	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
17	172526970	Nguy n Th Nh	Qu nh	28/11/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.1	8.5	7.5	8.0	Tám	
18	172526986	Đ ng	Th nh	21/12/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	7.6	8.1	7.1	7.6	B y Ph y Sáu	
19	172526976	Phan Thanh	Thanh	03/11/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	7.8	8.2	7.2	7.7	B y Ph y B y	
20	172526931	Nguy n Xuân B o	Hân	03/06/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	7.8	8.2	7.2	7.7	B y Ph y B y	
21	172526919	Tr n ng	C n	01/07/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
22	172526947	Nguy n Thùy	Linh	29/05/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
23	172526999	Mai ng	Vinh	19/01/1992	K17PSU_QNH	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	7.7	8.2	7.5	7.9	B y Ph y Chín	
24	172526958	Tr n Th Kim	Ng c	09/08/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	B y Ph y N m	
25	172526962	Ph m Th Y n	Nhi	15/06/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.7	7.8	8.0	7.9	B y Ph y Chín	
26	172526991	Hu nh Th	Trâm	20/07/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.7	7.8	8.0	7.9	B y Ph y Chín	
27	172526946	Nguy n Th M	Linh	28/08/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.7	7.8	7.6	7.7	B y Ph y B y	
28	172526934	Mai Ng c	Hào	27/11/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	8.6	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
29	172526929	Lê Th Thu	Hà	01/09/1993	K17PSU_QNH	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	8.6	8.5	8.3	8.4	Tám Ph y B n	
30	172526932	L ng Th Ph ng	H ng	09/05/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.1	8.5	7.5	8.0	Tám	
31	172526922	Tr ng Ng c	Đi m	03/10/1992	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.2	8.6	7.6	8.1	Tám Ph y M t	
32	172526967	Nguy n Th Bích	Ph ng	11/08/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	7.8	8.1	Tám Ph y M t	
33	172527000	Nguy n Thanh Th o	Vy	11/06/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.4	8.7	8.0	8.4	Tám Ph y B n	
34	172526937	Nguy n Th Ng c	Hi u	12/01/1993	K17PSU_QNH	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	7.9	8.3	7.7	8.0	Tám	
35	172348368	Lê Th Th o	Linh	02/11/1993	K17PSU_QNH	ThS. Ngô Thanh Tu n	10.0	8.0	8.4	7.6	8.0	Tám	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PP. Đ T O IH C &amp; SAU IH C

Nguy n H ng Giang

ThS. Nguy n Ân

Th i gian : 14/05/2015

STT	MÃ SV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	GI NG VIÊN H NG Đ N	I M GVHD			I M GVPB	I M T NG K T		GHI CHÚ
							Thái 20%	N i đung 80%	T ng i m		I M S	I M CH	
1	1810225083	Lê Th H ng	Vân	21/01/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n ình Uyên	10.0	7.5	8.0	7.2	7.6	B yPh y Sáu	
2	1811225092	ng Quý	Nhân	10/08/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n ình Uyên	10.0	8.1	8.5	7.7	8.1	Tám Ph y M t	
3	1810225082	Nguy n Ng c	Thùy	25/05/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n ình Uyên	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không	
4	1811225804	Ông Qu c	C ng	15/01/1993	K18PSUQCD	ThS. Tr n ình Uyên	8.0	7.0	7.2	7.4	7.3	B y Ph y Ba	
5	1811226269	Nguy n Nam Công	Huy	13/09/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n ình Uyên	6.0	4.0	4.4	4.0	4.2	B n Ph y Hai	
6	1810225585	H Th Ng c	Vi	10/09/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.2	8.6	7.8	8.2	Tám Ph y Hai	
7	1810225086	Tr n Th Thu	Dung	13/05/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.0	8.4	7.8	8.1	Tám Ph y M t	
8	1810225087	Ngô Th Thanh	Huy n	08/12/1993	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.1	8.5	7.5	8.0	Tám	
9	1811223795	Ngô Minh Thu	Trâm	04/03/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.2	8.6	7.7	8.2	Tám Ph y Hai	
10	171575478	Ph m Th Thu	Cúc	02/01/1993	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.2	8.6	7.6	8.1	Tám Ph y M t	
11	1810224636	Tr ng Th T ng	Vy	18/03/1994	K18PSUQCD	ThS. Tr n Minh Tùng	10.0	8.3	8.6	8.5	8.6	Tám Ph y Sáu	
12	1810225583	ng Th Minh	Châu	20/04/1994	K18PSUQCD	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	7.4	7.9	7.0	7.5	B y Ph y N m	
13	1810224620	Ph m Th Bích	Sang	28/05/1993	K18PSUQCD	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	7.4	7.9	7.2	7.6	B y Ph y Sáu	
14	1810225088	Nguy n Ng c Ti u	Vân	15/03/1994	K18PSUQCD	ThS. Hoàng Anh Th	10.0	7.4	7.9	7.0	7.5	B y Ph y N m	
15	1811225586	Ph m Thanh	Ng c	19/07/1993	K18PSUQCD	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	8.0	8.2	Tám Ph y Hai	
16	1810225960	Nguy n Th M	Khánh	13/03/1994	K18PSUQCD	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.1	8.5	8.5	8.5	Tám Ph y N m	
17	1810224643	Nguy n Ph ng	Th o	05/11/1994	K18PSUQCD	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	8.0	8.4	7.5	8.0	Tám	
18	1810225951	Nguy n Th Nam	Ly	04/07/1994	K18PSUQCD	ThS. Nguy n Nh Hi n Hòa	10.0	7.5	8.0	7.5	7.8	B y Ph y Tám	

à N ng, ngày 01 tháng 06 n m 2015

NG I L P

KI M TRA

LÃNH O KHOA

PP. Ò T O IH C &amp; SAU IH C

Nguy n H ng Giang

ThS. Nguy n Ân